

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**
Số: 1866 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Để chuẩn bị kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 18) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026; thực hiện Công văn số 126/TTHĐND-VP ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Sau đây viết tắt là Quyết định 590/QĐ-TTg);
- Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Sau đây viết tắt là Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT).

2. Cơ sở thực tiễn

Quảng Bình là tỉnh chịu nhiều ảnh hưởng của các loại hình thiên tai, sự cố, trong đó, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét xảy ra thường xuyên, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, nhất là đối với địa bàn thuộc các xã miền núi và vùng thấp trũng. Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã chủ động, quyết liệt triển khai nhiều giải pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là việc di dời, bố trí ổn định dân cư vùng chịu ảnh hưởng thiên tai. Hiện trên địa bàn tỉnh đang có 03 Dự án bố trí ổn định dân cư, cơ bản đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng nhưng chưa có kinh phí để hỗ trợ di dời các hộ dân lên khu tái định cư (Gồm: Dự án di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa; Dự án di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, Dự án Di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch). Bên cạnh đó, nhu cầu bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030 là 950 hộ tại 8 huyện, thành phố và thị xã trong tỉnh, trong đó: Bố trí theo hình thức: Tập trung 431 hộ, xen ghép 19 hộ, ổn định tại chỗ 500 hộ.

Theo khoản 3, Điều 13, Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư”. Đồng thời, căn cứ Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và khoản 3, Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì việc ban hành Nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Để thống nhất về nội dung, mức chi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và phù hợp với tình hình thực tế trong việc thực hiện Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định 590/QĐ-TTg, việc ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Mục đích ban hành Nghị quyết là để quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 590/QĐ-TTg.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết đảm bảo tuân thủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các nghị định hướng dẫn thi hành.

Các quy định về nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các hoạt động hỗ trợ thuộc Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 590/QĐ-TTg đảm bảo đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước; một số nội dung chi, mức chi áp dụng theo các quy định hiện hành.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với Chương trình thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng); đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước, đầm phá); biên giới (gồm cả Khu kinh tế - quốc phòng); vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Quyết định số 590/QĐ-TTg, Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và các quy định khác có liên quan (*Lý do, các nội dung tại Điểm 1 và 4 Điều 7; điểm 1 và 3 Điều 8 không có căn cứ để ban hành định mức hỗ trợ cụ thể và trong Thông tư 24/2023/TT-BNNPTNT cũng yêu cầu áp dụng theo các Điều của Quyết định số 590/QĐ-TTg*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, Khu kinh tế - quốc phòng.

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến trên địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

- Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép. ✓

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tại Quy định này.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Văn bản số 1005/UBND-KT ngày 31/5/2024).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tiễn địa phương xây dựng hồ sơ, dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến góp ý của Nhân dân, đồng thời gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, tổng hợp gửi Sở Tư pháp thẩm định đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 điều và Quy định gồm có 05 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg.

2.1.1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ di dời nhà ở: Hỗ trợ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai: 30 triệu đồng/hộ.

** Cơ sở đề xuất nội dung và mức hỗ trợ*

- Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ để di chuyển nhà ở: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023: Hỗ trợ tối thiểu 30 triệu đồng/hộ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ làm nhà mới đối với những hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển đến nơi ở mới; Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở do thiên tai hoặc nhà ở bị đột nát, hư hỏng không thể di chuyển, sửa chữa, khôi phục lại: 40 triệu đồng/hộ. ✓

** Cơ sở đề xuất nội dung và mức hỗ trợ*

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

c) Hỗ trợ nước sinh hoạt: Hỗ trợ để xây dựng hoặc mua bể chứa, đào giếng đối với những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 03 triệu đồng/hộ.

** Cơ sở đề xuất nội dung và mức hỗ trợ*

- Mức hỗ trợ 3 triệu đồng/hộ: Từ năm 2014, thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã hỗ trợ nội dung này với mức 3 triệu đồng/hộ (Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình). Mặt khác, Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tại Dự án 1: “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt” trên địa bàn tỉnh ta cũng đang thực hiện hỗ trợ xây dựng hoặc mua bể chứa, đào giếng đối với những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung với mức 3 triệu đồng/hộ. Do đó, đề xuất mức hỗ trợ như trên để đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa các Chương trình được triển khai trên địa bàn tỉnh.

d) Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất: Hỗ trợ đối với những nơi có điều kiện khai hoang, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, khai hoang đồng ruộng 15 triệu đồng/ha, khai hoang tạo nương cố định 08 triệu đồng/ha.

** Cơ sở đề xuất nội dung và mức hỗ trợ*

Từ năm 2014, thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã hỗ trợ nội dung này với mức khai hoang đồng ruộng 15 triệu đồng/ha, khai hoang tạo nương cố định 08 triệu đồng/ha. Hiện nay, Ngân sách trung ương hỗ trợ cho đối tượng là các hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tối đa 22,5 triệu đồng/hộ để thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để giao đất có khả năng sản xuất (khoản 3, Điều 3 Quyết định 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025). Tuy nhiên, trong điều kiện ngân sách tỉnh khó có thể đáp ứng mức hỗ trợ nêu trên, do đó đề nghị tiếp tục thực hiện theo các mức hỗ trợ đã thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất sản xuất do thiên tai: 15 kg gạo/khẩu/tháng, hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo tại thời điểm hỗ trợ.

** Cơ sở đề xuất nội dung và mức hỗ trợ*

Thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 - 2025, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang thực hiện trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ và phát triển rừng với mức 15 kg gạo/khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 9 tháng/năm (Điều 1 Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình). Do đó, đề xuất mức hỗ trợ như trên để đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa các Chương trình được triển khai trên địa bàn tỉnh.

e) Hỗ trợ ổn định tại chỗ: Hộ gia đình đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ, mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

** Cơ sở đề xuất nội dung và mức hỗ trợ*

Hiện nay, Trung ương chưa có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về hỗ trợ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai cho các hộ ổn định tại chỗ. Vì vậy, từ tình hình thực tế triển khai, đề nghị tiếp tục thực hiện theo mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ của giai đoạn trước thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (quy định tại Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình).

2.1.2. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân được thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

b) Nội dung hỗ trợ nhà ở và di dời nhà ở: Tạm ứng ban đầu 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện; 50% kinh phí còn lại hỗ trợ sau khi hoàn thành.

c) Hỗ trợ nước sinh hoạt, khai hoang đất sản xuất, bố trí ổn định tại chỗ: Hỗ trợ 100% kinh phí sau khi đã hoàn thành việc dựng hoặc mua bể chứa nước, đào giếng, khai hoang, nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

d) Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 100% thời gian đầu tại nơi tái định cư bằng gạo tẻ thường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về gạo dự trữ Quốc gia hiện

hành, hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị gạo tại thời điểm hỗ trợ, thời gian hỗ trợ 9 tháng.

2.2. Điều khoản tham chiếu: Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1 Dự kiến nguồn vốn hỗ trợ thực hiện giai đoạn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 là 40 - 45 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn Kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và địa phương) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

(Tài liệu kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TC, KHĐT, TP, LĐTĐBXH;
- Ban Dân tộc;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn,

biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm tin học- Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Dự thảo

QUY ĐỊNH

Cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với Chương trình thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lở, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng); đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước, đầm phá); biên giới (gồm cả Khu kinh tế - quốc phòng); vùng dân di cư tự do đến đời sống còn khó khăn và khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lở, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lở, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, Khu kinh tế - quốc phòng.

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến trên địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

- Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tại Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Ưu tiên chính sách hỗ trợ thực hiện ở nơi bị thiên tai, vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

2. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng định mức, đúng đối tượng, kịp thời và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Việc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách hằng năm; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư.

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ di dời nhà ở: Hỗ trợ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai: 30 triệu đồng/hộ.

b) Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ làm nhà mới đối với những hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển đến nơi ở mới; Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở do thiên tai hoặc nhà ở bị đột nát, hư hỏng không thể di chuyển, sửa chữa, khôi phục lại: 40 triệu đồng/hộ.

c) Hỗ trợ nước sinh hoạt: Hỗ trợ để xây dựng hoặc mua bể chứa, đào giếng đối với những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 03 triệu đồng/hộ.

d) Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất: Hỗ trợ đối với những nơi có điều kiện khai hoang, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, khai hoang đồng ruộng 15 triệu đồng/ha, khai hoang tạo nương cố định 08 triệu đồng/ha.

đ) Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất sản xuất do thiên tai: 15 kg gạo/khẩu/tháng, hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo tại thời điểm hỗ trợ.

e) Hỗ trợ bố trí ổn định tại chỗ: Hộ gia đình đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ, mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

2. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân được thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

b) Nội dung hỗ trợ nhà ở và di dời nhà ở: Tạm ứng ban đầu 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện; 50% kinh phí còn lại hỗ trợ sau khi hoàn thành.

c) Hỗ trợ nước sinh hoạt, khai hoang đất sản xuất, bố trí ổn định tại chỗ: Hỗ trợ 100% kinh phí sau khi đã hoàn thành việc dựng hoặc mua bể chứa nước, đào giếng, khai hoang, nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

d) Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 100% thời gian đầu tại nơi tái định cư bằng gạo tẻ thường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về gạo dự trữ Quốc gia hiện hành, hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị gạo tại thời điểm hỗ trợ, thời gian hỗ trợ 9 tháng.

Điều 4. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn Kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và địa phương) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới./.